

ĐIỂM CHUẨN ĐẠI HỌC NĂM 2026 - UEH

1. Tại TPHCM

STT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển
1	7220201	7220201: Tiếng Anh thương mại	D01, D09, D14	83.40
2	7310101	7310101: Kinh tế	A00, A01, D01, D07, D09	85.20
3	731010201	7310102_1: Kinh tế chính trị	A00, A01, D01, D07, D09	77.50
4	731010202	7310102_2: Kinh tế chính trị quốc tế	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
5	731010401	7310104_1: Kinh tế đầu tư	A00, A01, D01, D07, D09	80.50
6	731010402	7310104_2: Thẩm định giá và Quản trị tài sản	A00, A01, D01, D07, D09	76.10
7	7310107	7310107: Thống kê kinh doanh	A00, A01, D01, D07, D09	83.00
8	731010801	7310108_1: Toán tài chính	A00, A01, D01, D07, D09	82.20
9	731010802	7310108_2: Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	A00, A01, D01, D07, D09	79.50
10	732010601	7320106_1: Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	A00, A01, D01, D07, D09, V00	90.20
11	73201061D	73201061D: Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện song bằng UEH - Đại học Saint Joseph, Macao	A00, A01, D01, D07, D09, V00	70.00
12	734010101	7340101_1: Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07, D09	79.40
13	73401011F	73401011F: Quản trị - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	71.00
14	734010102	7340101_2: Kinh doanh số	A00, A01, D01, D07, D09	87.00
15	734010103	7340101_3: Quản trị bệnh viện	A00, A01, D01, D07, D09	71.90
16	734010104	7340101_4: Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	A00, A01, D01, D07, D09	80.70

17	73401014D	73401014D: Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường song bằng UEH - Koblenz University of Applied Sciences (Hochschule Koblenz), Đức	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
18	734011501	7340115_1: Marketing	A00, A01, D01, D07, D09	90.20
19	73401151F	73401151F: Marketing - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	86.30
20	734011502	7340115_2: Công nghệ Marketing	A00, A01, D01, D07, D09	90.20
21	7340116	7340116: Bất động sản	A00, A01, D01, D07, D09	72.50
22	734012001	7340120_1: Kinh doanh quốc tế	A00, A01, D01, D07, D09	92.50
23	73401201F	73401201F: Kinh doanh quốc tế - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	89.30
24	734012101	7340121_1: Kinh doanh thương mại	A00, A01, D01, D07, D09	88.50
25	73401211F	73401211F: Kinh doanh thương mại - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	86.00
26	7340122	7340122: Thương mại điện tử	A00, A01, D01, D07, D09	89.20
27	734020101	7340201_1: Tài chính công	A00, A01, D01, D07, D09	79.00
28	734020102	7340201_2: Thuế	A00, A01, D01, D07, D09	78.70
29	734020103	7340201_3: Ngân hàng	A00, A01, D01, D07, D09	80.80
30	73402013F	73402013F: Ngân hàng - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
31	734020104	7340201_4: Thị trường chứng khoán	A00, A01, D01, D07, D09	77.00
32	734020105	7340201_5: Tài chính	A00, A01, D01, D07, D09	85.20
33	73402015F	73402015F: Tài chính - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	82.20
34	734020106	7340201_6: Đầu tư tài chính	A00, A01, D01, D07, D09	83.80
35	73402016F	73402016F: Đầu tư tài chính - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
36	734020107	7340201_7: Quản trị Hải quan - Ngoại thương	A00, A01, D01, D07, D09	86.50

37	73402010D	7340201D: Chương trình đào tạo nguồn nhân lực quốc tế cử nhân Tài chính - Ngân hàng song bằng UEH - Đại học Rennes, Pháp	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
38	7340204	7340204: Bảo hiểm	A00, A01, D01, D07, D09	75.30
39	7340205	7340205: Công nghệ tài chính	A00, A01, D01, D07, D09	88.70
40	734020601	7340206_1: Tài chính quốc tế	A00, A01, D01, D07, D09	92.50
41	73402061F	73402061F: Tài chính quốc tế - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	88.30
42	734030101	7340301_1: Kế toán doanh nghiệp	A00, A01, D01, D07, D09	79.10
43	73403011F	73403011F: Kế toán doanh nghiệp - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
44	734030102	7340301_2: Kế toán công	A00, A01, D01, D07, D09	81.00
45	734030103	7340301_3: Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ICAEW	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
46	734030104	7340301_4: Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ACCA	A00, A01, D01, D07, D09	80.00
47	734030201	7340302_1: Kiểm toán	A00, A01, D01, D07, D09	91.10
48	73403021F	73403021F: Kiểm toán - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, D09	85.00
49	7340403	7340403: Quản lý công	A00, A01, D01, D07, D09	76.00
50	7340404	7340404: Quản trị nhân lực	A00, A01, D01, D07, D09	83.30
51	7340405	7340405: Hệ thống thông tin quản lý	A00, A01, D01, D07, D09	86.80
52	738010101	7380101_1: Luật kinh doanh quốc tế	A00, A01, D01, D09, X25	82.50
53	738010102	7380101_2: Luật	A00, A01, D01, D09, X25	76.00
54	7380107	7380107: Luật kinh tế	A00, A01, D01, D09, X25	82.50
55	7380109	7380109: Luật thương mại quốc tế	A00, A01, D01, D09, X25	80.00
56	746010801	7460108_1: Khoa học dữ liệu	A00, A01, D01, D07, X26	88.10
57	746010802	7460108_2: Phân tích dữ liệu	A00, A01, D01, D07, X26	91.50
58	7480101	7480101: Khoa học máy tính	A00, A01, D01, D07, X26	79.40

59	7480103	7480103: Kỹ thuật phần mềm	A00, A01, D01, D07, X26	76.60
60	748010701	7480107_1: Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	A00, A01, D01, D07, X26	75.00
61	74801071D	74801071D: Robot và Trí tuệ nhân tạo song bằng UEH - Đại học Kwangwoon, Hàn Quốc (hệ kỹ sư)	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
62	748010702	7480107_2: Điều khiển thông minh và tự động hóa (hệ kỹ sư)	A00, A01, D01, D07, X26	77.00
63	74801072D	74801072D: Điều khiển thông minh và tự động hóa song bằng UEH - Đại học Kwangwoon, Hàn Quốc (hệ kỹ sư)	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
64	748020101	7480201_1: Công nghệ thông tin	A00, A01, D01, D07, X26	78.50
65	748020102	7480201_2: Công nghệ nghệ thuật	A00, A01, D01, D07, X26	84.50
66	748020103	7480201_3: Công nghệ và đổi mới sáng tạo	A00, A01, D01, D07, X26	78.50
67	7480202	7480202: An toàn thông tin	A00, A01, D01, D07, X26	77.00
68	7510201	7510201: Sản xuất thông minh (hệ kỹ sư)	A00, A01, D01, D07, X26	70.00
69	751060501	7510605_1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D07, X26	97.00
70	75106051F	75106051F: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Tiếng Anh toàn phần	A00, A01, D01, D07, X26	94.00
71	751060502	7510605_2: Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	A00, A01, D01, D07, X26	87.00
72	75106052F	75106052F: Công nghệ Logistics tích hợp chứng chỉ quốc tế FIATA - Tiếng Anh toàn phần (hệ kỹ sư)	A00, A01, D01, D07, X26	88.00
73	7580104SD	7580104SD: Cử nhân Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh song bằng UEH - Đại học Auckland, New Zealand	A00, A01, D01, D09, V00	70.00

74	758010402	7580104_2: Kiến trúc và Thiết kế đô thị thông minh (hệ Kiến trúc sư)	A00, A01, D01, D09, V00	70.00
75	7620114	7620114: Kinh doanh nông nghiệp	A00, A01, D01, D07, D09	78.30
76	7810103	7810103: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, D01, D07, D09	75.30
77	781020101	7810201_1: Quản trị khách sạn	A00, A01, D01, D07, D09	78.50
78	781020102	7810201_2: Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	A00, A01, D01, D07, D09	85.70
79	7840104	7840104: Quản trị vận hành và di chuyển thông minh	A00, A01, D01, D07, D09	76.50
80	ASACoop01	ASACoop_1: Chương trình Cử nhân ASIA Co-op	A00, A01, D01, D07, D09	70.00
81	ISBCNTN01	ISBCNTN_1: Chương trình Cử nhân tài năng ISB - Kinh doanh	A00, A01, D01, D07, D09	84.10
82	ISBCNTN02	ISBCNTN_2: Chương trình Cử nhân tài năng ISB - Công nghệ	A00, A01, D01, D07, X26	79.00
		TỔNG:		

Thí sinh có thể sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ khác tiếng Anh để xét tuyển (ngoại trừ chương trình Tiếng Anh thương mại), bao gồm: Tiếng Hàn, Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.

2. Tại Phân hiệu Vĩnh Long

STT	Mã xét tuyển	Chương trình đào tạo	Tổ hợp môn	Điểm trúng tuyển
1	7220201	Tiếng Anh thương mại	D01,D09, D14	60
2	7340101	Quản trị kinh doanh	A00,A01,D01,D07,D09	60
3	7340115	Marketing	A00,A01,D01,D07,D09	60
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00,A01,D01,D07,D09	60
5	7340122	Thương mại điện tử	A00,A01,D01,D07,D09	60
6	734020101	Ngân hàng	A00,A01,D01,D07,D09	60
7	734020102	Tài chính	A00,A01,D01,D07,D09	60
8	734020103	Thuế	A00,A01,D01,D07,D09	60

9	7340301	Kế toán doanh nghiệp	A00,A01,D01,D07,D09	60
10	7380107	Luật kinh tế	A00,A01,D01,D09	60
11	7480107	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	A00,A01,D01,D07	60
12	7480201	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	A00,A01,D01,D07	60
13	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00,A01,D01,D07	67
14	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	A00,A01,D01,D07,D09	60
15	7810201	Quản trị khách sạn	A00,A01,D01,D07,D09	60
		Tổng		

Thí sinh có thể sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ khác tiếng Anh để xét tuyển (ngoại trừ chương trình Tiếng Anh thương mại), bao gồm: Tiếng Hàn, Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.

UEH
UNIVERSITY

